

TP.Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 10 năm 2018

QUI ĐỊNH CHUNG VỀ ĐỀ CƯƠNG VÀ LUẬN ÁN TIẾN SỸ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: 9.34.01.02

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SỸ

Chương trình đào tạo Tiến sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Kinh tế-Luật được thực hiện theo hệ nghiên cứu hàn lâm (Academic Research), nhằm mở rộng kho tàng tri thức trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. Văn bằng được công nhận là Tiến sỹ nghiên cứu - Doctor of Philosophy (PhD).

Chương trình đào tạo Tiến sỹ hàn lâm là bậc chuyên tiếp có mục đích chuyển đổi nghiên cứu sinh từ người tiêu dùng tri thức, để bổ sung vào đội ngũ những người sản xuất ra tri thức khoa học cho các cơ sở đào tạo bậc cao, chuyên sâu, nghiên cứu chuyên ngành, và v.v.v. Chương trình đào tạo này không nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh những nghiên cứu ở dạng vận dụng các lý thuyết để giải quyết những vấn đề cụ thể trong kinh doanh, mà là những nghiên cứu để bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn kiến thức đã có trong các lĩnh vực của chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Mục tiêu của Chương trình hoàn toàn khác với các bậc Cử nhân và Thạc sỹ, là đào tạo ra các nhà nghiên cứu hàn lâm, **biết tự thiết kế một nghiên cứu và hướng dẫn được người khác làm nghiên cứu khoa học**. Hay nói cách khác, Chương trình nhằm đào tạo ra những người biết cách và có khả năng để tạo ra những tri thức khoa học mới, tức là sản xuất ra những tri thức khoa học, chứ không phải chỉ biết tiêu dùng tri thức.

Điểm giống nhau chung nhất giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu hàn lâm là thiết kế qui trình chặt chẽ, tuân thủ các nguyên tắc học thuật trong từng bước nghiên cứu và lựa chọn phương pháp thực hiện đảm bảo độ tin cậy khoa học.

Điểm khác nhau căn bản và tiên quyết giữa hai dạng này là mục tiêu của nghiên cứu. Nghiên cứu ứng dụng thiết kế phục vụ một địa chỉ cụ thể, cho một đơn vị doanh nghiệp hay lĩnh vực, ngành nghề nào đó. Nghiên cứu hàn lâm hướng tới mục tiêu phát hiện ra điểm mới trong lĩnh vực lý thuyết chuyên ngành mà chưa có nghiên cứu nào trước đó thực hiện. Do vậy, việc dò tìm khe hở lý thuyết trong tổng quan nghiên cứu là điều kiện bắt buộc trong mỗi đề cương, cũng như Luận án của nghiên cứu sinh.

2. NHỮNG QUI ĐỊNH VỀ ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SỸ

Để đảm bảo qui trình thực hiện một Luận án tiến sỹ nghiên cứu hàn lâm, những vấn đề về đề cương nghiên cứu phải tuân thủ chặt chẽ:

2.1. Tên đề tài: Tên đề tài Luận án phải thể hiện nội dung một lĩnh vực nghiên cứu khoa học cụ thể được lựa chọn, rõ ràng, càng ít chữ càng tốt, thể hiện được bản chất của vấn đề, thời gian, không gian nghiên cứu dự kiến, phản ánh đúng lĩnh vực chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

2.2. Tính cấp thiết, cấp bách của vấn đề nghiên cứu:

Yếu tố cốt lõi nhất trong Giới thiệu tính cấp thiết, cấp bách là định vị nghiên cứu, qua đó thể hiện tính hấp dẫn, lý thú, sự quan trọng, cần thiết phải thực hiện và có thể thực hiện được, xứng tầm là một nghiên cứu hàn lâm cho Luận án Tiến sỹ.

Định vị nghiên cứu liên quan đến xác định các khoảng trống nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, hay chung nhất là chỉ ra được các đóng góp về học thuật và thực tiễn một cách thuyết phục. Những điểm này cần được làm sáng tỏ trước khi phát biểu các mục tiêu nghiên cứu hoặc lồng ghép với phát biểu từng mục tiêu.

2.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài. Đây là phần rất quan trọng, có tính chất quyết định của Đề cương nghiên cứu, cũng như tiếp theo là Luận án Tiến sỹ. Tổng quan tình hình nghiên cứu cần đạt được những nội dung sau:

Yêu cầu Tổng quan nghiên cứu

- Kết quả phải đề cập đến những công trình khoa học đã được công bố trên thế giới và trong nước, liên quan đến đề tài của Luận án.
- Phân tích, diễn giải hoặc qui nạp để làm rõ những điểm nổi bật của các nghiên cứu trước đó để kế thừa và dự kiến các nội dung có thể phát triển.

Yêu cầu nội dung phải đạt được

- Tổng quan tình hình nghiên cứu và sự phát triển của các Lý thuyết chuyên ngành để vận dụng cho khung phân tích của đề tài.
- Tổng quan các nghiên cứu trước để tìm kiếm, phát hiện những vấn đề mới, cập nhật để xây dựng mô hình nghiên cứu và dò tìm khe hổng lý thuyết.

Qui định chọn Tài liệu để thực hiện Tổng quan:

- Bài báo khoa học thuộc nhóm: **SSCI, SCIE hoặc SCOPUS;**

- Bài báo khoa học đăng trên Danh mục các Tạp chí do Hội đồng chức danh Giáo sư qui định ở Việt Nam;
- Sách chuyên khảo chuyên ngành gắn liền với đề tài nghiên cứu;
- Luận án Tiến sỹ đã bảo vệ trong cùng lĩnh vực nghiên cứu;
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế có phản biện, được nhà xuất bản có uy tín phát hành (có ISBN);

Từ đó có thể làm rõ những nội dung phát hiện trong các nghiên cứu trước để phản biện, kế thừa và dự kiến phần phát triển trong nghiên cứu của mình.

2.4. Dò tìm khe hở lý thuyết (khoảng trống nghiên cứu). Thực hiện tốt phần Tổng quan nghiên cứu sẽ giúp nghiên cứu sinh có thể phát hiện ra những lỗ hổng trong cả lý thuyết và phương pháp thực hiện của các nghiên cứu trước đó, và đây chính là điểm mới dự kiến bắt buộc phải có và sẽ được trình bày trong Chuyên đề 1: Tổng quan nghiên cứu, Đề cương cũng như Báo cáo kết quả Luận án tiến sỹ.

2.5. Đối tượng, phạm vi giới hạn nghiên cứu. Đề cương phải xác định rõ đối tượng nghiên cứu, phạm vi giới hạn về đối tượng, nội dung, giới hạn không gian (địa bàn, lĩnh vực nghiên cứu cụ thể), thời gian (theo khả năng thu thập số liệu so sánh).

2.6. Mục tiêu của đề tài. Mục tiêu phải tương thích với nội dung nghiên cứu của đề tài. Mục tiêu tiên quyết của Luận án tiến sỹ là phải xác định được *Khoảng trống lý thuyết của nghiên cứu.*

2.7. Qui trình nghiên cứu, Bộ dữ liệu, Mô hình xử lý số liệu. Mô tả đầy đủ thứ tự thực hiện các bước triển khai nghiên cứu, và những phương pháp vận dụng phù hợp trong từng nội dung nghiên cứu.

Cần mô tả rõ bộ dữ liệu được khai thác và sử dụng như thế nào. Nếu nguồn thông tin, số liệu là thứ cấp thì phải mô tả được qui trình khai thác từ đâu.

Nếu nguồn thông tin, số liệu là sơ cấp thì phải xác định rõ, dựa trên cơ sở khoa học nào để triển khai, xây dựng và thu thập bộ dữ liệu sơ cấp.

Diễn giải việc lựa chọn mô hình xử lý dữ liệu thứ cấp, và bộ dữ liệu sơ cấp.

2.8. Danh mục tài liệu tham khảo. Đây là danh mục các sách chuyên khảo, tham khảo, bài báo khoa học, luận án liên quan đến đối tượng nghiên cứu, được sử dụng trong Luận án.

Sắp xếp danh mục các tài liệu tham khảo tuân thủ theo trình tự **APA**.

Qui định về đánh số, chữ viết tắt phải tuân thủ theo hướng dẫn của Khoa Quản trị kinh doanh.

Qui định về trích, dẫn nguồn tham khảo tuân thủ qui chuẩn đạo đức học thuật, theo hướng dẫn của Khoa Quản trị kinh doanh.

Học viên nên sử dụng phần mềm EndNote để trích và dẫn nguồn tham khảo.

3. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG VỀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SỸ

Luận án Tiến sỹ là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, kết quả phải đạt được hai yêu cầu cơ bản. *Thứ nhất*, phải có tính học thuật, vấn đề phải được triển khai bằng ngôn ngữ khoa học hàn lâm, bằng những khung lý luận cơ bản trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh có phản biện tất cả các quan điểm, các kết quả mà những công trình nghiên cứu trước đã đạt được liên quan đến đề tài của mình. *Thứ hai*, phải có điểm mới, tức là Luận án phải đặt ra được những vấn đề mới, đưa ra được một khái niệm mà trước đó chưa có nghiên cứu nào đề cập đến, hoặc bổ sung một khái niệm chưa hoàn thiện, và kiểm chứng bằng những công cụ mới.

Luận án phải được sắp xếp và phân chia thành các Chương, Mục phù hợp, hướng tới việc đạt được mục tiêu đề ra. Không có qui định bắt buộc, nhưng số Chương, Mục đặt ra của Luận án phải phù hợp với mỗi mục tiêu nhỏ trong những nội dung của đề tài.

Tuy nhiên, mỗi Luận án cần có các nội dung phù hợp, mỗi nội dung có thể cấu thành một Chương, như những gợi ý sau đây:

Nội dung thứ 1: Giới thiệu tình hình nghiên cứu

Trong nội dung này phải giới thiệu tính cấp thiết, đối tượng, phạm vi, mục tiêu của nghiên cứu. Phần tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài và dò tìm khe hồng lý thuyết là những nhiệm vụ **bắt buộc** phải có trong nội dung này.

Cần phân biệt rõ sự khác biệt giữa Tổng quan tình hình nghiên cứu và liệt kê các nghiên cứu đi trước. Tổng quan là thực hiện việc tập hợp, phân tích, đánh giá, diễn giải, qui nạp và phản biện tình hình nghiên cứu chung trên thế giới trong lĩnh vực liên quan đến đề tài, cả về lý thuyết hàn lâm, kể cả những ứng dụng thực tiễn.

Mục tiêu của tổng quan là phải xác định được tình hình nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan đến đề tài, những gì đã được nghiên cứu, những gì chưa khám phá về mặt lý thuyết để xác định nghiên cứu của mình sẽ bắt đầu từ đâu, theo hướng nào, kế thừa những nghiên cứu nào đi trước và dự kiến hướng phát triển cho nghiên cứu.

Kết quả của tổng quan phải trình bày được kết quả dò tìm **khe hồng lý thuyết** (khoảng trống nghiên cứu) và dự kiến công cụ, phương pháp để kiểm định những phát hiện này.

Phần tiếp theo sẽ trình bày thứ tự sắp xếp các Chương trong Luận án, và giới thiệu tóm tắt nội dung của từng Chương khoảng từ 2-4 vấn đề cơ bản sẽ thực hiện.

Nội dung thứ 2: Cơ sở lý thuyết, giả thuyết và đề xuất mô hình lý thuyết

Trong nội dung này trình bày lý thuyết khoa học chuyên ngành trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh hình thành cơ sở tiếp cận của Luận án. Tiếp theo là phân chuẩn hóa và biện luận các

khái niệm nghiên cứu dựa trên việc kế thừa những công trình đi trước, và diễn giải mối tương quan giữa chúng.

Trên cơ sở đó, đề xuất và phát triển các giả thuyết cho nghiên cứu. Gắn với kết quả dò tìm khe hồng lý thuyết thường là một giả thuyết mới được đề xuất hoặc phát biểu lại giả thuyết đã được nghiên cứu.

Từ các giả thuyết này hình thành mô hình đề xuất cho nghiên cứu Luận án.

Kết quả nội dung này phải đưa ra được các giả thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất.

Nội dung thứ 3: Thiết kế qui trình nghiên cứu

Thiết kế qui trình nghiên cứu là sắp xếp thứ tự, trình tự triển khai các bước trong nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp phù hợp sẽ được vận dụng cho mỗi nội dung.

Phần này cũng trình bày bộ dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu, nguồn gốc và cơ sở xây dựng bộ dữ liệu đó. Nếu bộ dữ liệu thứ cấp thì phải trình bày nguồn gốc có cơ sở pháp lý tin cậy như: thông tin cung cấp chính thức của các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương, các tổ chức quốc tế thuộc Liên Hợp quốc, bảng cáo bạch thông tin doanh nghiệp được niêm yết, thông tin của các tổ chức nghiên cứu thị trường được cộng đồng học thuật chấp nhận. Thông tin lấy từ các bài báo khoa học, nếu ở Việt Nam thì phải nằm trong danh mục do Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước qui định. Nếu bài báo quốc tế, thì phải nằm trong nhóm Tạp chí khoa học chuyên ngành Quản trị kinh doanh thuộc nhóm SSCI, SCIE & SCOPUS, hoặc Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế có phản biện do một Nhà xuất bản có uy tín ấn hành.

Nếu bộ dữ liệu sơ cấp thì phải thiết kế qui trình xây dựng bộ dữ liệu, thiết kế bộ thang đo trên cơ sở tổng quan lý thuyết, kế thừa các nghiên cứu đi trước và những phương pháp khám phá để phát triển bộ thang đo.

Qui trình triển khai lấy mẫu khảo sát, thu thập dữ liệu từ đối tượng khảo sát phải được trình bày chi tiết và cơ sở thực tiễn khả thi của các bước thực hiện.

Trình bày mô hình được lựa chọn để xử lý các dữ liệu đã thu thập là một nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu trong nội dung này.

Nội dung thứ 4: Kết quả và thảo luận

Kết quả xử lý các số liệu nhằm thực hiện kiểm định các giả thuyết nghiên cứu phải được trình bày chi tiết, cụ thể và biện luận kết quả.

Trước hết, phải mô tả được cách thức để có được bộ dữ liệu. Bộ dữ liệu phải đảm bảo độ tin cậy khoa học, được khai thác hoặc kế thừa từ những nguồn có độ tin cậy được kiểm chứng.

Triển khai kiểm định độ tin cậy của bộ dữ liệu đã thu thập, độ tin cậy của các thang đo, và những điều chỉnh nếu có cần được giới thiệu đầy đủ và thảo luận chi tiết các kết quả nhận được.

Đặc biệt trong nội dung này phải xác định được kết quả kiểm định các giả thuyết. Nếu các giả thuyết được phát biểu lại so với ban đầu thì phát biểu như thế nào, mô hình điều chỉnh theo hướng nào. Phần này cũng gắn với tổng quan lại lý thuyết nếu mô hình có những điều chỉnh so với ban đầu.

Nội dung không thể thiếu trong phần này là kiểm định kết quả của giả thuyết từ việc dò tìm khe hổng nghiên cứu ở phần Tổng quan. Nếu khe hổng được chấp nhận thì đây là **điểm mới khoa học** của Luận án. Thảo luận kết quả phải gắn chặt chẽ và chú trọng đến biện luận sự chấp nhận điểm mới từ giả thuyết ban đầu.

Điểm mới của nghiên cứu có thể được xác định theo mức độ từ thấp đến cao là:

- **Cấp độ đơn giản - Cách thức đo lường mới.** Một hoặc một số khái niệm quan trọng trong mô hình sử dụng được thiết kế phương pháp đo lường khác so với các nghiên cứu trước đây, hoặc đề xuất Bộ thang đo mới hoàn toàn nhưng vẫn chứng tỏ được các độ giá trị của thang đo (các phương diện, khía cạnh đo lường, sự hội tụ, phân biệt, dự báo của bộ thang đo,...).
- **Cấp độ tiêu chuẩn - Bổ sung khái niệm mới.** Tức là, xây dựng và kiểm định một khái niệm hoàn toàn mới trong lĩnh vực nghiên cứu cụ thể, do đó có các quan hệ mới xuất hiện trong mô hình so với các nghiên cứu trước đây. Dạng này có mức độ phát triển lý thuyết mạnh hơn so với cấp độ đơn giản.
- **Cấp độ phát triển - Một cơ chế quan hệ mới:** Dạng này có thể mang tính hàn lâm lặp lại và có tính phát triển lý thuyết dựa trên những lập luận mới thuyết phục hơn so với các nghiên cứu trước, hoặc vận dụng sáng tạo một lý thuyết mới một cách phù hợp với bối cảnh nghiên cứu hiện tại. Vì có thể có một hoặc nhiều khái niệm mới xuất hiện, do đó mức đóng góp của nghiên cứu thuộc dạng này cao hơn mức độ tiêu chuẩn.
- **Cấp độ cao nhất - Phát triển các quan điểm lý thuyết mới, hoặc lý thuyết mới.** Đây là mức đóng góp cao nhất của khoa học.

Nội dung thứ 5: Hàm ý và đề xuất

Từ kết quả xử lý bộ dữ liệu của mô hình nghiên cứu sẽ là cơ sở để đề xuất những hàm ý hoặc giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.

Đây chính là những đóng góp có cơ sở khoa học từ kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Những hàm ý phải gắn chặt với kết quả đạt được từ các nội dung trước.

Cuối mỗi Chương đều phải có phần tóm tắt.

Kết luận: Luận án phải có phần kết luận riêng biệt.

Sau Kết luận là **Danh mục các tài liệu tham khảo.**

Tiếp theo là các **Phụ lục** của Luận án.

Phần cuối cùng là **Danh mục các công trình đã công bố của nghiên cứu sinh.**

TRƯỜNG KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters, positioned above a horizontal blue line.

PHẠM ĐỨC CHÍNH

4. QUI ĐỊNH VỀ HÌNH THỨC TRÌNH BÀY, CHỮ VIẾT TẮT VÀ SỬ DỤNG TRÍCH, DẪN NGUỒN THAM KHẢO CHO LUẬN ÁN

4.1. Qui định về hình thức trình bày Luận án

Luận án được trình bày trên giấy đánh máy, khổ A4, dung lượng khoảng từ 150 đến 200 trang. Font: Times New Roman, Size: 13, Line Spacing: 1.5, First Line: 1.

Qui định hình thức trình bày trang bìa, trang lót và nhiều nội dung khác theo qui chuẩn chung của trường Đại học Kinh tế-Luật (Cần tham khảo website của Phòng sau Đại học).

Màu bìa của **Luận án Tiến sỹ** cho ngành Quản trị kinh doanh – là màu **ĐỎ**.

Luận án cho bảo vệ các cấp và phản biện kín được **in 2 mặt, đóng gáy lò xo**.

Luận án chỉ in một mặt và bìa có chữ **MẠ VÀNG** cho phiên bản cuối cùng.

4.2. Qui định sử dụng trích, dẫn nguồn tài liệu tham khảo

Sắp xếp danh mục các tài liệu tham khảo sắp xếp **theo thứ tự Alphabe, tuân thủ theo qui chuẩn APA**. Nghiên cứu sinh cần *xem thêm hướng dẫn chi tiết trong Phụ lục đính kèm*.

Tác giả là người nước ngoài thì sắp xếp theo Họ, nếu là người Việt Nam thì ghi đầy đủ Họ và Tên.

Trích nguồn và dẫn nguồn phải được kết nối chặt chẽ với danh mục tham khảo.

Khuyến khích nghiên cứu sinh sử dụng phần mềm EndNote trong trích dẫn.

Danh mục tham khảo và trích dẫn các tài liệu đảm bảo qui chuẩn học thuật chính là đạo đức học thuật của người làm nghiên cứu.

4.3. Qui định chữ viết tắt, viết hoa, định dạng ngày tháng và con số

Từ ngữ, thuật ngữ, tên **địa danh tiếng Việt không được viết tắt**. Ví dụ: phải viết đầy đủ “Thành phố Hồ Chí Minh” chứ không viết “Tp HCM”.

Từ ngữ, thuật ngữ và tên tổ chức bằng tiếng Anh được phép viết tắt, bao gồm cả tổ chức của Việt Nam có tên tiếng Anh. Các từ viết tắt chỉ được sử dụng sau khi chúng được tác giả giới thiệu sau cụm từ đầy đủ ở lần xuất hiện đầu tiên trong bài viết. Ví dụ: World Bank (WB) hoặc Small and medium-sized enterprises (SMEs), Tổng cục Thống kê (GSO).

Đơn vị đo lường thông dụng được sử dụng ngay mà không cần giới thiệu: km, cm, m.

Lưu ý: Đối với các thuật ngữ hoặc tên tổ chức có từ tiếng Việt tương đương thì có thể dùng từ tiếng Việt ở lần xuất hiện đầu tiên, sau đó chú thích viết tắt. Ví dụ: Ngân hàng Thế giới (WB); Tổng sản phẩm quốc nội (GDP); Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Chữ viết hoa. Các trường hợp điển hình bao gồm: Tên các cơ quan tổ chức; Tên các cá nhân.

Tên các tổ chức hay thể chế được dùng trong cụm từ mà nó có vai trò là tính từ bổ nghĩa thì không viết hoa. Ví dụ: Kinh tế nhà nước (không viết hoa từ “nhà nước”).

Định dạng ngày tháng

Định dạng tiếng Việt: Phải viết ngày 2 tháng 9 năm 1945 (không viết 2/9/1945).

Định dạng tiếng Anh: (ví dụ: October, 3rd 2010).

Định dạng con số

Trong tiếng Việt:

- Dấu phẩy (,) được biểu trưng cho nhóm dãy số thập phân;
- Dấu chấm (.) biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn...

Ví dụ: 200,233 đồng (được hiểu: 20 phẩy 233 đồng); 200.233 đồng (được hiểu: 200 nghìn 233 đồng).

- Trong tiếng Anh: ngược lại với tiếng Việt: dấu phẩy (,) được biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn...; Dấu chấm (.) biểu trưng cho cho nhóm dãy số thập phân.